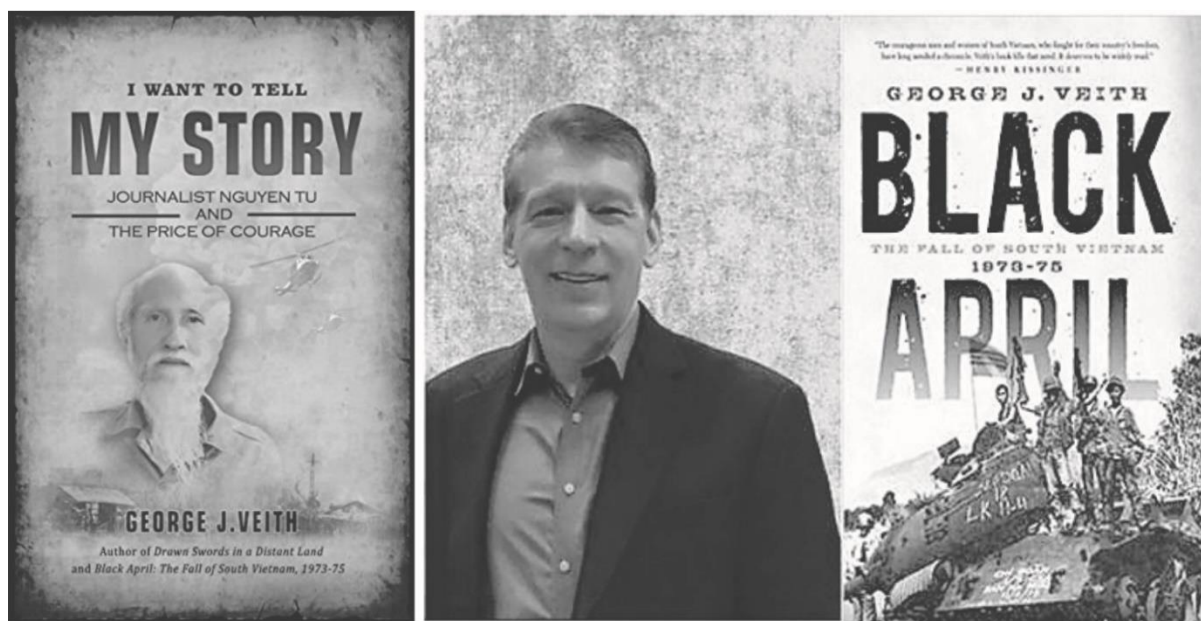


“Tôi Muốn Kể Lại Chuyện của Tôi”: Ký giả Nguyễn Tú và Cái Giá của Sự Can Đảm

31 Tháng Mười Hai, 2021



George J. Veith (Bản dịch: Phan Lê Dũng 10/4/2021)

LGT: Sử gia George J Veith (hình trên), một cựu sĩ quan thiết giáp phục vụ ở Đức, là tác giả nhiều cuốn sách viết về chiến tranh Việt Nam như **Black April: The Fall of South Vietnam, 1973-1975** (hình trên mạng, TVTS edited). Gần đây, ông viết trên ebook câu chuyện của cuộc đời ký giả Nguyễn Tú được ông Nguyễn Tú kể lại cho ông trong những ngày cuối đời của ông Nguyễn Tú, được ông Phan Lê Dũng dịch ra tiếng Việt.

Ngày 24.11.2021 vừa qua, ông Phan Lê Dũng đã thực hiện một cuộc phỏng vấn nhà báo George J Veith trên đài SBTN-DC ở Hoa Thịnh Đốn và trước khi kết thúc cuộc phỏng vấn, ông Phan Lê Dũng hỏi ông Veith: “Anh muốn người Việt và người Mỹ phản ứng thế nào sau khi họ đọc bài của anh? Và cuối cùng anh đã thay đổi ra sao sau khi biết câu chuyện của Nguyễn Tú. Tôi hứa, đây là câu hỏi chốt”.

Ông Veith trả lời: “Tôi hy vọng rằng sau khi đọc bài viết của tôi, như anh đã dịch ra tiếng Việt, bài viết đó sẽ khích lệ những người Việt khác viết về chuyện của họ, vì tôi đã nói điều này trong suốt 15 năm. Tôi đã nói chuyện trước đám đông và tôi vẫn nói y như vậy. Tôi nói rằng cộng sản đã viết nhiều, rất nhiều những chuyện của họ, và những sử gia của Mỹ đang sử dụng những tài liệu đó để nói về cuộc chiến, bởi thế, nếu chúng ta không muốn mất Việt Nam Cộng Hòa, thì chúng ta phải kể lại những câu chuyện của mình. Dù bạn chỉ là một hạ sĩ trong bộ chuyển vận, bạn vẫn nên viết lại câu chuyện của mình bởi vì nếu bạn chết mà không kể lại câu chuyện của mình thì đó là điều cộng sản thực sự muốn. Viết và trình bày lại những câu chuyện lịch sử là một việc quan trọng. Đó là điều tôi hy vọng người Việt sẽ làm. Tôi hy vọng họ sẽ viết những câu chuyện của họ, kể lại cho con cháu họ, kể lại với những người như anh, và đó là khi Việt Nam Cộng Hòa sống mãi”.

TiVi Tuần-san cảm ơn các tác giả và dịch giả đã cho đăng lại bài này và trân trọng giới thiệu với bạn đọc bốn phương.

* * *

Tôi lái xe vào bãi đậu xe của tòa chung cư nhỏ ở Alexandria, tiểu bang Virginia, nơi cư ngụ của ký giả Nguyễn Tú. Tòa chung cư, cũng giống bạn tôi, già nua, dày sương, dạn gió nhưng vẫn còn hoạt động. Tắt máy xe, ngồi lặng trong giây lát, tôi nghĩ về những câu hỏi muốn hỏi. Đây là lần thứ 9 trong năm cuối tôi phỏng vấn ông. Ông Tú chẳng bao giờ cho biết lý do ông cứ đồng ý gặp tôi. Có lẽ là do tính chất ký giả tiềm ẩn trong ông. Tuy không muốn bản thân ông là một phần của câu chuyện, nỗ lực tìm tòi để tìm cho được câu chuyện là một vấn đề ông xem trọng.

Trong cuộc sống, ông Tú đã từng là chiến sĩ, là kẻ lang thang, là nhân viên cao cấp của chính phủ, là ký giả, và là một người tị nạn. Khi được biết về những biến cố khó thể tưởng trong đời ông, đã nhiều lần tôi xin ông viết hồi ký, nhưng ông luôn từ chối. Ông nói, “Tôi biết quá nhiều về cuộc sống của nhiều người, biết quá nhiều biến cố, và một kẻ mất nước như tôi lấy thẩm quyền gì để viết chuyện lịch sử?” Tôi thường lắc đầu, không hiểu nổi những hố sâu ngăn cách văn hóa giữa tôi và ông. Có lẽ vì là người Mỹ, tôi không thể hiểu được sự ngần ngại của ông. Ông đã chứng kiến nhiều biến cố chính trong lịch sử tiến hóa hiện đại của quốc gia ông. Để cuộc hành trình khác thường của ông cùng theo ông vào lòng đất sẽ là một sự mất mát đáng tiếc cho cả lịch sử, lẫn những người Miền Nam Việt Nam. Tôi không thể để điều đó xảy ra.

Tuy ông khước từ không viết hồi ký, tôi vẫn trở lại căn phòng chật chội của ông để ghi lại hết câu chuyện khó thể tưởng này đến câu chuyện khó thể tưởng khác. Căn phòng ông ở tràn ngập với từng đồng báo, sách, tuần san. Một số người có thể cho rằng ông là người thích tích trữ, không chịu vứt bỏ những thứ không cần thiết, nhưng riêng ông Tú lại nghĩ rằng những đồng sách, báo cao nghệu đó là những tài liệu sách vở giúp ông viết lách những mẫu tin ông vẫn viết cho nhiều tờ báo tiếng Việt ở Mỹ.

Khi ra khỏi xe, đi bộ đến cửa tòa chung cư, tôi vẫn chưa biết rằng hôm nay, ngày 19 tháng 10, năm 2009 sẽ là một ngày khác. Sau buổi nói chuyện, khi tôi chuẩn bị rời phòng ông Tú nắm tay tôi. Sau vài giây im lặng, nhìn tôi ông nói, “Tôi muốn kể lại câu chuyện của tôi.” Cuối cùng, yếu tố ký giả đã vượt qua những tính thận trọng của con người phật tử trong ông. Tôi ra về tinh thần phơi phới, chưa biết rằng đây là lần cuối tôi sẽ gặp một trong những người ly kỳ nhất trong tất cả những người tôi từng gặp. Kể lại lịch sử, như tôi đã được học, không bao giờ là chuyện đơn giản.



Nguyễn Tú và George J Veith. Hình của tác giả

Nguyễn Đình Tú, thường được các bạn thân ông gọi là Nguyễn Tú hoặc Tú Hai, sinh ở Hà Nội vào ngày 26 tháng 12, 1924. Ông là ký giả chiến trường được trọng vọng và là biên tập viên của báo Chính Luận, tờ báo có ảnh hưởng nhất của Miền Nam Việt Nam. Chưa bao giờ lập gia đình và không có con, ông muốn có tự do, tự do hoàn toàn theo đuổi những đam mê báo chí, theo tiếng gọi của đời ông. Cha mẹ ông là người giàu có, là chủ một vi-la lớn, chủ phân nửa một con đường Hà Nội, hơn cả chục bin-đình, và 600 mẫu ruộng ở Tuyên Quang. Ông có một người anh, nhưng mất từ ngày còn bé. Cha mẹ ông cũng qua đời khi ông còn ở tuổi thiếu niên. Thảm kịch này đã buộc ông phải học cách tự lo thân từ lúc thiếu thời.

Mẹ ông mất năm ông 13 tuổi. Là người con hết sức thương mẹ, ông quá thương cảm đến độ ốm và bỏ học cả năm. Để giúp ông vơi bớt thương cảm, bố ông đã gửi ông vào sống ở chùa. Gia đình ông là gia đình phật tử đã nhiều thế hệ. Ngày ông còn bé, bố ông thường mời một vị sư được trọng vọng đến nhà gần như hàng tuần để bàn luận về đạo Phật. Cụ cho phép ông được ngồi nghe để biết về đạo Phật. Cụ chỉ muốn ông nghe và bảo ông: "Bây giờ chưa hiểu hết, nhưng rồi sau này con sẽ hiểu." May mắn cho ông, những bài học từ những câu chuyện này, và cuộc sống tĩnh lặng ở chùa đã giúp ông bình tâm trở lại, và ông rời chùa với tâm thức trưởng thành hơn. Đạo phật và những lời dạy của vị sư cũng đã giúp ông có được sự bình thản để chịu đựng những sự khốn khổ của 13 năm tù về sau khi cuộc chiến kết thúc.

Cha mẹ ông Tú đã cho ông một căn bản học vấn vượt trội. Khi nhìn lại, ông thấy rằng tất cả những gì ông có đều nhờ cha ông. Cụ đã uốn nắn ông và chuẩn bị để ông có thể đối diện với những thực tế khắc nghiệt của Việt Nam. Muốn ông viết chữ đẹp, cụ đã dạy ông chữ Hán, bắt ông phải học tiếng La-Tinh 6 năm, và tiếng Hy-Lạp 4 năm. Khi ở chùa, ông trở thành bạn thân của một vị sư có học vấn cao. Cha ông và vị sư đã khơi dậy khát vọng kiến thức trong ông. Sáng chủ nhật nào ông cũng đến thư viện, và là người cuối cùng rời thư viện.

Đây cũng chính là nơi đã giúp ông có những hiểu biết đầu tiên về chủ nghĩa Cộng Sản. Sự hiểu biết đó đến từ sách. Một lần, khi đến quầy trả sách trong thư viện, ông nhìn thấy một quyển sách viết về chủ nghĩa Marx. Ông xin được mượn, nhưng nhân viên thư viện không cho vì đó là sách cấm. Ông Tú năn nỉ mãi, cuối cùng người nhân viên đồng ý với điều kiện ông phải hứa không được tiết lộ chuyện này với ai, và phải đem trả sách ngay sau 1 tuần. Quyển sách có một chương viết về các thuộc địa của Pháp và bàn luận vấn đề Việt Nam. Sách viết rằng tất cả các thuộc địa Pháp nên nổi loạn và hợp tác với Nga để đánh bại chủ nghĩa đế quốc. Ông nhanh chóng nhận ra rằng làm như thế thì chỉ là thay đổi vị trí của Pháp bằng vị trí của Nga, và suốt đời ông chống đối chủ nghĩa Cộng Sản.

Căn bản học vấn của ông là một căn bản học vấn Pháp vượt trội. Năm 1939, lúc 15 tuổi, ông vào học ở một trường Pháp có tiếng nhất Đông Dương là trường Trung Học Albert-Sarraut, được thiết lập từ năm 1919. Những người Việt thượng lưu và những Pháp Kiều ở Việt Nam đều cho con theo học ở đó. Tất cả những giáo sư giảng dạy đều đến từ Ba-Lê và tốt nghiệp từ những đại học lớn ở Pháp. Trường đặt tiêu chuẩn học vấn rất cao, và những giáo sư đã mở mang đầu óc ông về dân chủ và những lý tưởng của cuộc Cách Mạng Pháp, như những vấn đề tự do, độc lập và quan trọng nhất là nhân quyền. Ở Albert-Sarraut, ông trở thành gần gũi với nhiều học sinh Pháp, nhưng học ở Albert-Sarraut cũng tạo ra một sự mâu thuẫn trong ông. Người Pháp đã dạy ông những quan niệm quan trọng về dân chủ và nhân quyền, đã cho ông một căn bản giáo dục vĩ đại. Nhưng Pháp muốn Việt Nam phải là một thuộc địa, việc giải phóng đất nước ông đồng nghĩa với việc ông phải đấu tranh và giết những người bạn Pháp. Ông Tú nói rằng đây là sự khác biệt giữa ông và Cộng Sản. Những ảnh hưởng thấm nhuần của cả ba nền văn hóa, từ đạo Khổng qua cha ông, từ Chủ Nghĩa Tự Do của Pháp qua những giáo sư dạy ông, và từ Phật Giáo qua những vị sư, đã khiến ông thấy được những cái tốt của Pháp, tuy vẫn muốn giải phóng đất nước ông khỏi ách thực dân.

Tin rằng chủ nghĩa cộng sản là con đường lầm lạc cho Việt Nam, ông cố tìm kiếm một triết lý khác có thể áp dụng vào việc cai trị đất nước ông. Nhiều năm sau, một số bạn ông ở miền Bắc đã nói với ông, “Anh Tú, anh đúng rồi. Khi đi theo Cộng Sản, chúng tôi đã chọn sai.” Một điều khiến ông hết sức đau buồn là có quá nhiều người trong thế hệ ông bị kẹt lại ở Hà Nội vì không thể trốn thoát. Đây là nỗi buồn ông mang theo suốt đời.

Tham gia Đại Việt và chiến đấu chống Việt Minh

Cha ông mất năm 1943. Sau khi cụ qua đời, ông tặng luôn những ruộng vườn của gia đình cho những nông dân đang sống trên những thửa đất đó. Ông vẫn ở trong căn vi-la, nhưng tặng luôn tất cả những bin-đình của gia đình ở Hà Nội. Ông chẳng thiết gì nữa. Tuy gia đình thân yêu giờ chẳng còn ai, nhưng vì đã quyết chí tìm cách đem lại tự do cho đất nước, ông tiếp tục việc học. Vào cuối năm 1944 ở Hà Nội, ông gia nhập Đại Việt Quốc Dân Đảng, thường được gọi là Đại Việt. Đảng Trưởng Trương Tử Anh, thường được gọi là Anh Cả Phương, là người làm lễ tuyên thệ cho ông. Tuy chỉ mới nói chuyện với Trương Tử Anh hai lần trước khi vào Sài Gòn năm 1948, nhưng vì là người đã được chính Trương Tử Anh chọn lựa, ông được những đảng viên Đại Việt ở Miền Nam đối xử trọng vọng như thể ông là một “sứ giả đặc biệt gì đó”.

Cộng sản lúc đó xem Đại Việt như một đảng đối nghịch tranh quyền. Vào mùa hè 1945, ông Tú bị cộng sản bắt ở Hà Nội. Họ buộc tội ông chống cộng, tra tấn, và kết án tử hình ông. Khi tra tấn tù nhân,

người Pháp thường dùng điện 60 watts, nhưng khi tra tấn ông cộng sản đã dùng điện 120 watts. Ông bị biệt giam ở Hỏa Lò 3 tuần, rồi được đưa đi Thái Nguyên để tử hình.

Thái Nguyên là thủ phủ của Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội, thường được gọi là Việt Minh, một tổ chức liên hiệp của Cộng Sản và Quốc Gia được thành lập năm 1941 để đấu tranh giành độc lập cho Việt Nam thoát ách thực dân Pháp. Nhưng sau nhiều tháng bị giam ở Thái Nguyên, bất thành lĩnh Cộng Sản lại thả ông, nói rằng “Hồ sơ của anh đã được duyệt xong.” Tuy bị tra tấn, ông vẫn không khai rằng ông là một đảng viên Đại Việt. Vì không chứng minh được lời buộc tội, họ đã thả ông. Ở Thái Nguyên, ông là người đàn ông duy nhất trong số 200 tù nhân được thả. Có khoảng hai chục nữ tù cũng bị giam ở đó. Trần Văn Giàu, một cán bộ cộng sản có tiếng, đến để giảng dạy chính trị cho tù. Ông Tú ghi nhận rằng Giàu “nói rất trôi chảy.”

Sau khi ở tù, ông về Hà Nội một thời gian ngắn sau ngày 2 tháng 9, 1945, ngày Việt Nam tuyên bố độc lập với Pháp. Một người bạn trong đảng Đại Việt khuyên ông nên rời Hà Nội, tham gia một trường võ bị mới do những người Quốc Gia thiết lập. Vào mùa thu 1945, hai đảng chống Cộng chính, đảng Đại Việt và Việt Nam Quốc Dân Đảng (VNQDDĐ), đã kết hợp thành một nhóm đoàn kết để tự vệ và chống trả thế càng ngày càng mạnh của cộng sản Việt Minh.

Các đảng viên Quốc Gia thiết lập Trường Lục Quân Trần Quốc Tuấn ở Chapa, một làng gần Lào Cai gần biên giới Trung Hoa. Có khoảng 300 học viên tham dự trong đó có ông Tú. Rất nhiều người đã được tuyển mộ từ Hà Nội. Đa số đều có học vấn cao và muốn đánh Pháp, nhưng họ cũng chống Cộng. Ông nói, “Họ là những người rất can đảm, và nhiều người đã nói dối bố mẹ để gia nhập.” Nơi đây ông gặp Bùi Diễm, về sau là đại sứ Miền Nam Việt Nam ở Mỹ, và họ trở thành bạn thân suốt đời.

Trường được tổ chức thành 3 đại đội, A, B, và C. Ông là người của Đại Đội A. Vào lúc đầu ông được huấn luyện bằng súng gỗ, nhưng về sau được cấp một khẩu súng thật. Chỉ có khoảng 75 người được nhận súng, vì vậy họ phải chia nhau để tập. Ông Tú được giữ súng ngày đầu, hôm sau đến phiên người khác, và cứ thế luân phiên. Họ chỉ có một ít đạn dược và chỉ có một khẩu đại pháo 75 ly của Pháp.

Những người huấn luyện họ là những cựu sĩ quan Nhật. Có một đại tá Nhật và 4 đại úy. Ông không biết họ từ đâu đến, và làm cách nào để đến đó. Họ là những sĩ quan giỏi, nhưng phải dùng thông dịch viên vì không biết tiếng Việt. Những người Nhật này lấy tên Việt Nam. Ông không biết tên thật của họ. Họ gọi vị đại tá là Cao Hùng. Cũng có một thiếu úy Việt tên Vinh đã ở trong quân đội Pháp. Vinh lo việc hành chánh trong khi những người Nhật huấn luyện.

Người Nhật cho họ hai quyển sách được dịch ra tiếng Việt. Một quyển viết về những chiến thuật của lục quân và quyển kia là quyển sổ tay hướng dẫn những điều cơ bản của một quân nhân, như cách chào và cách diển hành. Người Nhật huấn luyện cho các học viên hết như họ đã được huấn luyện. Các học viên được dạy những chiến thuật lục quân của các đội nhỏ, nhưng ngay từ đầu, những người huấn luyện đã nhấn mạnh chiến lược. Đây là một vấn đề khiến ông ngạc nhiên. Những cuộc huấn luyện, giữa rừng núi bao quanh, rất cam go nhưng không ai đào ngũ.

Vào mùa thu 1946, ông tốt nghiệp. Không có lễ mãn khóa hoặc gấn phù hiệu cấp bậc, mà ông cũng chẳng để ý gì đến những danh dự trường dành cho những học viên tốt nghiệp. Ông và các bạn cùng khóa đều mang nặng lý tưởng cách mạng. Vào tháng 4, trường chuẩn bị chiếm một đồn của Cộng Sản gần Yên Bái. Các sĩ quan Nhật duyệt lại kế hoạch và chấp thuận, nhưng họ không tham gia. Họ muốn người Việt phải tự làm lấy.

Ông Tú là trung đội trưởng trong cuộc tấn công. Họ chỉ có đủ khí giới và đạn dược cho một phần của đại đội tấn công. Những người còn lại ở lại phía sau để phòng thủ căn cứ. Cuộc tấn công bắt đầu vào ban đêm. Ông nhớ đã nhìn thấy phe địch bắn, và đã bắn trả. Cuộc tấn công diễn ra thật gay go. Phe ông Tú thắng nhưng một người bạn của ông bị giết. Anh ta cũng cùng học trường chung với ông, nhưng kém một năm. Vì xem người bạn đó như một người em, đối với ông, đây là một sự mất mát lớn. Ông Tú bị đạn hai lần, một phát đạn đốt cháy vai và một phát vào hông phía phải. Thuốc chữa thương chỉ có nước muối dùng để lau vết thương. Người Nhật duyệt lại cuộc tấn công với người Việt để cải thiện cách huấn luyện.

Vào tháng 7 1946, khi các lực lượng Công An của Việt Minh ngăn chặn một toan tính lật đổ chính quyền ở Hà Nội của Đại Việt, cuộc chiến giữa người Quốc Gia và Cộng Sản sôi sục. Cộng sản dùng biến cố này để mở các cuộc tấn công vào những thành trì của đảng viên Quốc Gia. Nhiều nơi nhanh chóng ngã gục. Tuy ông Tú và những người võ trang trong trường ông vẫn đóng trại gần Yên Bái, vào tháng 10 năm 1946, tỉnh bị bao vây. Sau nhiều cuộc tấn công của Cộng Sản, thành phố ngã gục. Nhiều sĩ quan Nhật bị giết, nhưng vị đại tá và hai đại úy sống sót. Nhiều năm sau, vị đại tá trở về Nhật. Ông Tú không biết chuyện gì xảy ra cho những vị sĩ quan kia.

Đơn vị của ông rút về Lào Cai, nhưng Cộng Sản tiến gần đến tỉnh. Khi địch còn cách khoảng 30 cây số, vì chỉ còn rất ít đạn dược và ít tiền để trả tiền gạo cho những người ở địa phương, họ đồng ý tan hàng. Nhiều người bạn ông chạy sang Trung Hoa, trong khi một số khác quyết định về với gia đình. Ông từ chối lời mời sang Trung Hoa để nhập bọn cùng các bạn và chọn ở lại Lào Cai xem Cộng Sản tiến vào tỉnh hành xử ra sao. Qua đó ông có thể nhận xét họ thực sự là ai. “Nếu muốn chiến đấu với ai, bạn phải tự chính mình tìm hiểu, chứ không phải nghe theo lời đồn,” ông nói. Mặc dù đã ở tù Việt Minh khi trước, ông vẫn không sợ. Ông dùng số tiền cuối cùng để mua một bữa ăn tối.

Vào tháng 11 năm 1946, Cộng Sản chiếm được Lào Cai, chấm dứt cuộc chiến nội bộ với người Quốc Gia. Cộng Sản tập họp tất cả dân chúng trong tỉnh để tuyên truyền. Ông Tú theo dõi suốt đêm và thấy rằng khi nói về Hồ Chí Minh, họ nói chẳng khác gì người Quốc Gia, không giống những người Cộng Sản. Nhưng họ cũng tuyên bố rằng “Người Tàu là đồng minh của chúng ta.” Đây là lần đầu ông được nghe điều này. Trước đó, ông chưa hề được nghe bất cứ điều gì về Mao Trạch Đông, vị lãnh tụ Cộng Sản của Trung Hoa. Cộng Sản tuyên bố hôm sau sẽ có chuyến xe lửa đến đón tất cả những ai muốn về Hà Nội. Chỉ cần đến nhà ga vào buổi sáng để lấy vé.

Sáng sau, một số bạn lính của ông ghi tên lấy vé. Ông Tú khuyên họ không nên ghi tên. Ông biết rằng nếu ghi tên ông sẽ bị bắt. Biết rằng xe lửa sẽ rất đông đảo, và khó thể kiểm soát được mọi người, ông dự định trà trộn vào theo đám đông để đi không vé. Xe lửa dừng ở Lào Cai vào lúc trưa, và ông lên vào trong toa không bị phát giác. Nhìn qua cửa sổ ông thấy các bạn ông đang bị bắt. Ông nói, “Tôi cảm thấy rằng hình như tôi là người sống sót duy nhất ở Lào Cai.”

Về Hà Nội và trở thành ký giả

Rời Lào Cai, ông trở lại Hà Nội. Ông đến nơi khoảng vài ngày trước khi Pháp mở cuộc tấn công vào ngày 19 tháng 12, 1946, để chiếm lại thành phố từ tay Việt Minh. Cuộc tấn công này khai màn Cuộc Chiến Đông Dương thứ nhất. Ông cảm thấy an toàn ở Hà Nội vì có những người bạn bảo vệ và nuôi

dưỡng, nhưng những vết thương ở Yên Bái vẫn chưa lành hẳn nên ông vẫn trốn tránh. Khi Pháp chiếm thành phố, ông thôi không trốn tránh nữa.

Tuy không có tiền và thất nghiệp, ông Tú vẫn mộng trở thành ký giả, một giấc mơ ông vẫn ấp ủ kể từ ngày mới lớn. Ngày ông còn đi học, mẹ ông đã muốn ông học ngành y để có thể giúp đỡ người nghèo. Bà không muốn ông trở thành một nhân viên chính phủ. Nhưng về sau, cha ông khuyên bà nên để con tự ý chọn lựa. Động lực chính khiến ông thích làm ký giả là những sách vở do những ký giả Pháp viết về Đệ Nhất Thế Chiến. Trong năm 1945, vì không nói được tiếng Việt, những ký giả Pháp đã mượn ông giúp họ săn tin. Bởi thế sau khi từ Lào Cai trở về Hà Nội, ông tìm được việc bằng cách viết cho các tờ báo Pháp. Thỉnh thoảng ông cũng viết cho hãng thông tấn Agence France-Presse khi hãng tin đổi tên thành Phòng Thông Tin Pháp (French Information Office) trong một thời gian ngắn vào thời gian Đệ Nhị Thế Chiến.

Ở một buổi họp đảng Đại Việt ở Hà Nội, ông gặp Bác sĩ Đặng Văn Sung, người sẽ giúp ông thành toàn giấc mộng làm báo. Ông Sung là một bác sĩ đã được chính lãnh tụ Trương Tử Anh của Đại Việt tuyển mộ. Ông đã thấy ông Tú ở một trại gần Yên Bái, và muốn hỏi thăm ông Tú về người em họ của ông. Người em họ ông Sung tình cờ lại đúng là người ông Tú đã khuyên không nên ghi tên lấy vé ở Lào Cai. Ông và ông Sung trở thành bạn thân. Vào cuối hạ năm 1947, khi tuyên bố lập một tờ báo ở Hà Nội, ông Sung mời ông Tú tham gia. Ông Tú hưởng ứng, và ông gọi thêm hai người bạn nữa cùng giúp. Cả bốn nhân viên của tờ báo cùng ở chung một nhà. Cảnh sống kham khổ, theo ông Tú nhớ, họ không có đủ gạo để ăn.

Tờ báo bán nguyệt san được gọi là tờ Thanh Niên. Ông Sung vừa là chủ nhiệm, vừa là chủ bút, vừa là chủ báo, vừa là người viết. Theo lời ông Tú, “Số đầu tiên bán sạch và gây ra một làn sóng sùng sốt trong khắp Hà Nội, nhưng vấn đề in báo quá đắt, và chúng tôi chỉ có lãi rất ít. Hơn nữa, chúng tôi phải tìm một người thợ in cho in báo chịu trước rồi nhận tiền sau.” Mặc dù khó khăn, đây là lần đầu tiên trong đời, ông Tú cảm thấy được tự do viết và suy nghĩ như ông muốn. Nhưng vào tháng 5 năm 1948, Pháp đóng cửa tờ báo.

Báo đóng cửa, ông Tú quyết định rời Hà Nội đi tìm Trương Tử Anh. Ông Anh đã mất tích vào tháng 12 năm 1946. Những người bạn làm báo với ông đồng ý với quyết định đi tìm của ông. Việc ông Anh mất tích đã gây nhiều ảnh hưởng xấu cho đảng Đại Việt. Về sau Cộng Sản tuyên bố các lực lượng công an của họ đã bắt ông Anh vào ngày 16 tháng 12, 1946 ở vùng Quảng Bá ở Hà Nội. Phải đối phó với việc Pháp sắp tấn công Hà Nội ba hôm sau, Cộng Sản hành hình Trương Tử Anh và thủ tiêu xác ông. Tuy Pháp giữ an ninh chặt chẽ và ông chỉ có ít tiền, ông Tú vẫn lên vào những vùng đất của Cộng Sản đi tìm vị lãnh tụ Đại Việt mất tích. Ông chưa bao giờ tìm được manh mối gì về ông Anh. Cộng Sản đã che dấu kỹ hành động thủ tiêu của họ.

Tuy thế, ông lại gặp được nhiều đảng viên Đại Việt đang trốn tránh Việt Minh. Trong tình trạng ông Anh mất tích, họ hỏi ông, “Chúng ta phải làm gì bây giờ?”

“Trở về Hà Nội,” Ông Tú nói. “nếu không dần dần cộng sản sẽ bắt hết các anh.”

Nhưng Hà Nội, họ than, đang nằm dưới sự cai trị của Pháp!

“Đúng,” ông Tú nói với họ, “nhưng người Pháp sẽ không giết các anh, và về Hà Nội không có nghĩa là về hàng.”

Tuy đang chiến đấu chống cả Cộng Sản lẫn Pháp, trong hai kẻ thù cần phải đối phó đó, ông cho rằng Cộng Sản là kẻ thù nguy hiểm hơn. Ông khuyên mọi người nên chống Cộng trước rồi hãy chống Pháp sau: “Chúng ta phải chọn kẻ địch. Không thể cùng lúc chống hai kẻ địch.” Ông tin rằng Cộng Sản là

một thế lực đang lên, trong khi Pháp là một thế lực đang xuống, và Pháp sẽ chẳng bao giờ thắng cuộc. Chính vì ý kiến này mà một số bạn ông đã kết tội ông là kẻ phản bội. Đây cũng chính là những người bạn về sau hối hận đã tham gia bắt tay với Cộng Sản.

Không thể tìm được Trương Tử Anh, và trong tình cảnh Pháp ủng hộ cựu hoàng Bảo Đại như một chính phủ chống cộng, vào cuối năm 1948, ông Tú vào Nam đến Sài Gòn và ở đó cho đến năm 1953. Ở Sài Gòn, ông tham gia chính phủ Bảo Đại và làm việc trong Bộ Thanh Niên. Ông tin rằng cách hay nhất để đánh bại Cộng Sản là thuyết phục các thanh niên Việt Nam rằng chủ nghĩa Cộng Sản không phải là giải pháp cho đất nước.

Vào năm 1953, vị Thủ Hiến ở Hà Nội yêu cầu ông trở lại để giúp bình định vùng đồng bằng sông Hồng. Vị Thủ Hiến đang cần cán bộ tiếp tay trong nỗ lực này. Lúc đầu ông Tú từ chối, nhưng vị Thủ Hiến lại gửi đại biểu vào Sài Gòn để mời ông tham gia. Ông đồng ý, và bay về Hà Nội giúp thiết lập một trại huấn luyện thanh niên để bảo vệ thôn quê. Ông đã ở lại đó khoảng một năm cho đến khi hiệp định Geneva được ký vào tháng 7, 1954 chia đôi Việt Nam thành hai quốc gia. Vì Cộng Sản sắp vào Hà Nội, ông đến Hải Phòng, lên một chiến thuyền Mỹ đang giúp người di cư vào Nam trở về Sài Gòn.



Nguyễn Tú tại phi trường Tân Sơn Nhất vào tháng Giêng năm 1967 tiễn đưa Bùi Diễm qua Hoa Kỳ làm đại sứ VNCH. Hình: Bùi Diễm

Làm Việc Ở Sài Gòn

Không có việc làm, ông Tú bắt đầu đi khắp Miền Nam Việt Nam để quan sát đất nước. Ông đi từ sông Bến Hải, ranh giới mới giữa hai miền Nam, Bắc vào sâu trong Nam. Không có tiền, ông đi từ làng này sang làng khác, nói chuyện với dân chúng. Ông là người thích làm việc đơn độc, lắng nghe những ưu tư của người dân và sống nhờ lòng tốt của họ. Các nông dân luôn đối xử tốt và chia sẻ thức ăn của họ với ông. Họ có rất nhiều gạo và cá. Họ chỉ ông cách đặt các thuyền tam bản dọc theo con kênh, và khi thủy triều rút, họ chỉ cần xúc cá vào thuyền tam bản, không cần phải dùng lưới. Dùng cách này chỉ cần 3 tiếng họ đã bắt được rất nhiều cá.

Vào tháng 2 năm 1957, khi Ngô Đình Diệm, vị Tổng Thống mới đến thăm người Thượng ở Ban Mê Thuột, một tỉnh ở Cao Nguyên Trung Phần, ông Tú cũng đang du lịch ở đó. Ông muốn hiểu những nỗ lực của ông Diệm trong việc hợp nhất nhóm người khác chủng tộc này vào xã hội Việt Nam. Ông đang xem những nhóm người trong đoàn tháp tùng ông Diệm hòa đồng với những người Thượng thì kẻ sát nhân do Cộng Sản gửi đến xuất hiện toan giết tổng thống. Ông Tú nghe tiếng đạn và chú ý thấy rằng ông Diệm vẫn bình tĩnh.

Ông chưa bao giờ gặp ông Diệm. Tuy khâm phục sự can đảm của ông Diệm trước lửa đạn, chẳng bao lâu sau ông Tú đã tỉnh ngộ. Ông nhìn nhận rằng ông Diệm là người được ủng hộ rộng rãi vào những năm đầu, nhưng lại cai trị chẳng khác gì một vị quan có quyền. Ông Tú chỉ trích mạnh mẽ, và đã phải gánh chịu sự phẫn nộ của ông Diệm. Một trong những sự chỉ trích đặc thù của ông là chương trình Ấp Chiến Lược, nỗ lực của ông Diệm trong việc gom nông dân, đưa họ vào những địa điểm được tăng cường để bảo vệ và giúp họ thoát khỏi Cộng Sản. Ông Tú cho rằng chương trình này sẽ thất bại.

Trong những năm trước đảo chánh 1963 lật đổ ông Diệm, ông Tú là giáo sư dạy tiếng Pháp ở Sài Gòn. Ông Nguyễn Văn Kiểu, anh Tổng Thống tương lai Nguyễn Văn Thiệu, cũng dạy ở trường đó, và là người giúp đưa ông Tú vào làm giáo sư. Một thời gian ngắn sau khi ông Tú rời Hà Nội về Sài Gòn họ gặp lại nhau. Ông Kiểu là một trong những đảng viên Đại Việt đầu tiên ở Miền Nam và đôi bên trở thành bạn thân.

Ông Tú nhớ lại rằng ông đã đến thăm gia đình ông Kiểu để gặp người anh cả, Nguyễn Văn Hiếu. Ông nhận ngay ra rằng đây là một gia đình nề nếp và hết sức gia giáo. Ông để ý thấy ông Thiệu một mực kính nể anh mình. Ông Thiệu đã vào phòng, đứng im lặng, trừ khi ông Hiếu lên tiếng trực tiếp hỏi, ông không hề nói năng gì. Ông Thiệu không dám nói chuyện với ông Tú. Ông Tú giải thích, “Đây là truyền thống của gia đình Việt Nam, nếu chưa được phép, người em không được nói chuyện với bạn của anh mình.” Ông Thiệu đứng đó khoảng 15 phút rồi đi ra. Cuộc gặp gỡ ngắn ngủi này khởi đầu một mối liên hệ kéo dài suốt đời của ông Tú với ông Nguyễn Văn Thiệu.

Sau cuộc đảo chánh ông Diệm tháng 11 năm 1963 và rồi cuộc chỉnh lý của Tướng Khánh vào tháng giêng 1964, Tướng Khánh mời Nguyễn Văn Kiểu làm cao ủy thanh niên. Ông Kiểu nhanh chóng chỉ định ông Tú làm tổng thư ký vì trong những năm đầu thập niên 1950, ông Tú đã làm việc trong Bộ Thanh Niên. Ông Tú tiếp tục giữ chức vụ đó cho đến tháng 2 năm 1965, khi Bác sĩ Phan Huy Quát trở thành thủ tướng cũng trong tháng đó. Vào rồi ông từ chức Tổng Thư Ký để trở lại với cái nghề ông yêu: làm báo.

Ông Đặng Văn Sung, người bạn cũ của ông cũng rời Hà Nội trong cuộc di cư khốn khổ năm 1954, trong cuộc di cư đó nhiều đảng viên Quốc Gia đã cùng di cư từ Bắc vào Nam. Ông Sung đã về Sài Gòn và mộng mở một tờ báo, nhưng Tổng Thống Diệm luôn luôn bác bỏ đơn xin làm báo của ông. Lúc này khi ông Quát cầm quyền (ông Sung có họ hàng với ông Quát về phía vợ), ông Sung quyết định mở một tờ báo là tờ Chính Luận (Bàn Luận Chính Trị). Ông mời ông Tú cùng tham gia.

“Anh sẽ phải trả giá đắt đấy!” Ông Tú nói. “Nếu mời tôi, anh đừng bao giờ bảo tôi nên, hoặc không nên viết gì.”

Ông Sung cười, khoác vai ông Tú: “Đồng ý.”

Ông Tú làm việc với tờ Chính Luận như một ký giả chiến trường trong khoảng thời gian 1965-1975. Đây là tờ báo có ảnh hưởng nhất đối với những độc giả đứng tuổi. Trong khi Sóng Thần, nhắm vào một giới độc giả trẻ và có đầu óc cấp tiến hơn.

Rất nhiều người nghĩ rằng ông Sung là nhân viên CIA, nhưng ông Tú nói điều đó không đúng. Vì lý do gì đó, ông Sung chẳng bao giờ lên tiếng cải chính những lời kết án. Ông Tú bảo rằng ông Sung chỉ kể chuyện với ông như sau: Vào một thời điểm trong thập niên 1950, người Miền Nam và cố vấn Mỹ Edward Lansdale có đặt kế hoạch đánh sập cầu Long Biên ở Hà Nội. Vì cầu Long Biên là cây cầu duy nhất bắc ngang sông Hồng nối Hà Nội với Hải Phòng, đánh sập cầu sẽ là một cú đập khiến chính quyền Bắc Việt chới với. Khi Lansdale yêu cầu ông Phan Huy Quát giúp trong việc phá cầu, ông Quát đã chuyển việc này cho ông Sung, nhưng kế hoạch chưa bao giờ được thực hiện. Ông Sung và Lansdale thường xuyên gặp gỡ, và vì thế có những tin đồn là ông Sung nhận tiền của CIA. Là ký giả chiến trường của tờ báo, thay vì nói chuyện với các tướng ở Sài Gòn, ông Tú quyết định dùng đa số thời gian ngoài chiến trường cùng với những đội quân Miền Nam. Thời gian làm cách mạng năm 1946 đã dạy ông rằng những câu chuyện và tin tức đáng giá nhất thường đến từ những người lính. Ông chỉ về Sài Gòn nhiều lần trong tháng để trang trải các khoản chi tiêu. Lương của ông là 20,000 đồng mỗi tháng.

Vào năm 1966, ông xin Bộ Chỉ Huy Quân Đội Mỹ cho phép ông đến thăm tất cả những tiền đồn chính của Mỹ ở xa.

“Tại sao?” một đại tá Mỹ hỏi. “Chẳng có ký giả nào của Mỹ muốn đi thăm các tiền đồn đó làm gì.”

“Bởi vì,” ông Tú trả lời, “Tôi muốn xem lính Mỹ đối phó với việc chiến đấu ra sao.”

Ông bỏ ra bốn tháng đi thăm các tiền đồn Mỹ ở xa, và cảm thấy khâm phục các đội quân Mỹ. Họ là những người trẻ, hết sức tận tụy, nhưng sau khi đến ở với họ, một chuyện xảy ra vào lúc đi tuần khiến ông thấy rằng đây không phải là loại chiến tranh họ có thể hiểu.

Một đêm ông đi theo một đơn vị Mỹ để chuẩn bị một vị trí đánh úp Cộng Sản. Khoảng 2g00 sáng, trưởng toán nói ông Tú đi nghỉ.

“Không,” Tú nói. “Tôi muốn thức xem người Mỹ làm việc thế nào.”

Một thời gian ngắn sau đó, một anh lính bắt đầu khóc to lên đòi gặp mẹ.

Vị trí đã bị lộ, ông Tú gọi toán trưởng. “Chúng ta về thôi. Chẳng thể làm gì ở đây nữa cả.”

Người trưởng toán đồng ý, gọi điện xin phép được quay về.

Dần dần, ông Tú đến thăm tất cả mọi chi nhánh quân sự của Mỹ, và đã ở cả tuần trên hàng không mẫu hạm USS Ranger của hải quân.

Vào tháng 4 năm 1967, khi Miền Nam Việt Nam thông qua một bản hiến pháp yêu cầu có cuộc bầu cử tổng thống vào tháng 9, ông Tú dành nhiều thời giờ hơn với ông Nguyễn Văn Thiệu. Ông Thiệu được đề cử làm ứng cử viên tổng thống của lá phiếu quân sự, và ông Kỳ là ứng cử viên trong cùng liên danh. Ông Tú đã cải thiện quan hệ với ông Thiệu sau khi ông Thiệu tham gia Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa (QĐVNCH) và được thăng chức đại tá vào năm 1962. Ông Tú nói, vị tổng thống tương lai đã hỏi ông về sự liên hệ giữa ông và ông Kiểu, anh ông ta. Hải lòng khi biết sự liên hệ của ông với ông Kiểu đa phần chỉ là những việc của Đại Việt, ông Thiệu đồng ý gặp lại ông. Lần kế tiếp họ gặp là vào cuối năm 1964, sau cuộc đảo chánh ông Diệm, khi ông Thiệu đã được thăng chức Thiếu Tướng.

Vào tháng 6 năm 1965, khi ông Thiệu trở thành chủ tịch Hội Đồng các Lực Lượng Võ Trang và quốc trưởng, ông Tú xin được gặp. Họ nói chuyện với nhau 4 tiếng, và ông Tú hỏi về những hoạt động của ông Thiệu, và về sự liên hệ của ông với vị Thủ Tướng mới Nguyễn Cao Kỳ. Ông Thiệu cho rằng ông Kỳ là một người kiêu ngạo, thích khoe khoang, và không thích ông Kỳ. Nhưng ông Tú cảm thấy ông Thiệu cũng có những điểm khác lạ, và trong ông Thiệu có hai con người. Ông Tú cho rằng ông Thiệu

là một người ít biểu lộ cảm xúc và thận trọng quá mức, nhưng ông tin rằng ông Thiệu là người chứng chắc hơn ông Kỳ, biết rõ điều ông muốn, có tham vọng, và là người cả quyết.

Trong bầu không khí sôi sục dần của cuộc bầu cử tổng thống, ông Tú lại gặp ông Thiệu. Ông Thiệu muốn có các cuộc bầu cử, nhưng theo ông Tú, ông Thiệu đã nói về lá phiếu của chính ông và những ứng cử viên khác như “những món hàng cho người dân chọn lựa.” Đây là một cách phát biểu kỳ lạ, nhất là khi ông Thiệu cũng chẳng nói gì về dân chủ. Sau khi ông Thiệu và ông Kỳ thắng cử vào tháng 9 năm 1967, ông Tú dành nhiều thời giờ với vị tổng thống mới. Biết tính dè dặt, thận trọng của ông Thiệu, ông Tú khuyên tổng thống nên thường xuyên tiếp xúc với dân chúng để người dân có thể hiểu biết vị lãnh đạo của họ hơn.

Lời khuyên của ông Tú bị bác bỏ. Trong một cuộc họp với cố vấn Mỹ Ed Lansdale, ông Tú nói rằng ông Thiệu ứng xử như “một cô dâu mới. Ông vẫn thận trọng, do dự và nghi ngờ như bao giờ. Vào lúc này, ông Thiệu vẫn nghĩ về người khác bằng những cung cách quân đội, quen ra lệnh cho họ tuân theo hơn là mời họ đưa lời cố vấn cho ông.” Nhưng dần dần ông Thiệu ngày càng tiếp xúc nhiều hơn với người dân.

Song song với cuộc bầu cử tổng thống là một cuộc bầu cử khác của Quốc Hội. Ông Đặng Văn Sung thắng cử và trở thành thành viên của một Thượng Viện mới được thiết lập vào năm 1967, nhưng ông vẫn giữ quyền kiểm soát tờ Chính Luận. Ông Sung và ông Thiệu thường xung đột, và đã có lần trong năm 1969, tờ báo bị Bộ Nội Vụ đóng cửa vì chỉ trích chính phủ.

Ông Tú bảo rằng “Ông Sung chưa bao giờ có những xung khắc cá nhân với ông Thiệu, và chỉ chống những chính sách của tổng thống. Ông Sung ủng hộ ông Thiệu vì cho rằng ông Thiệu là sự chọn lựa tốt nhất để đánh bại Cộng Sản. Ông Sung ủng hộ tất cả những người chống cộng, nhưng không phải vô điều kiện.” Vào lúc cuối, ông Thiệu đã chịu đựng ông Sung vì ông biết rằng ông Sung là một người Quốc Gia hết lòng.

Cuộc Tổng Tấn Công Mậu Thân vào đầu năm 1968 khiến cả Miền Nam Việt Nam lẫn Mỹ rúng động. Ông Tú bảo rằng, dựa trên những chuyến đi chiến trường, từ hai tuần trước đó, ông đã đoán trước được rằng sẽ có cuộc tấn công. Khi quân đội Bắc Việt chiếm đa số thành phố Huế, ông đã đến cố đô để tường trình cuộc chiến. Ông Tú được Thủy Quân Lục Chiến Mỹ cấp giấy tờ đặc quyền tự do di chuyển dành cho ký giả, nhưng thời tiết quá xấu, và ông phải đợi 3 ngày để có chuyến bay đến Huế. Khi đến nơi, ông bị buộc phải ở lại phía nam sông Hương 4 ngày. Trời nhiều mây, mưa, lạnh và ông chỉ có rất ít thực phẩm.

Cuối cùng, vào sáng thứ năm, ông đến được địa điểm và là một trong những ký giả đầu tiên ở đó. Ông xin phép được phỏng vấn Chuẩn Tướng Ngô Quang Trưởng, lúc đó đang là tư lệnh Sư Đoàn I quân đội VNCH. Đơn vị của Bộ Chỉ Huy ở Huế dưới quyền Tướng Trưởng đã trụ vững trước cuộc tấn công quyết tâm của địch, và vào lúc này những lính của tướng Trưởng và Thủy Quân Lục Chiến Mỹ đang cố tái chiếm thành phố. Tướng Trưởng từ chối yêu cầu của ông, nhưng sau khi quét sạch Huế, Tướng Trưởng nói với ông rằng họ có thể cùng uống cà phê. Tuy từ chối lời yêu cầu phỏng vấn của ông Tú, vị tư lệnh quân đội VNCH vẫn không ra lệnh buộc ông phải rời Huế. Tướng Trưởng vẫn để ông ở lại. Ông Tú viết một loạt các mục về trận chiến ở Huế. Trước loạt bài này, ông vẫn không hài lòng với những bài ông viết, nhưng những bài báo về Huế của ông khiến toàn quốc chú ý và biến ông thành một trong những ký giả có tiếng nhất. Năm 1969, ông Tú trở về Huế và lại yêu cầu phỏng vấn Tướng Trưởng. Lần này Tướng Trưởng nhận lời. Trong số tất cả những sĩ quan cao cấp ông phỏng vấn, ông Tú thích Tướng Trưởng nhất.

Tuy vẫn tiếp tục tường trình về cuộc chiến, ông cũng du lịch đến Mỹ và Pháp. Ở Mỹ, ông nhìn cuộc họp Đại Hội Đảng của đảng Dân Chủ ở Chicago chuyển thành những cuộc chiến giữa những người chống đối và cảnh sát. Sau đó ông sang Pháp và tường trình về những khai diễn ban đầu của cuộc điều đình Hiệp Định Ba-Lê. Ông cũng làm việc bán phần cho ký giả Robert Shaplen của tờ New Yorker và giúp những ký giả ngoại quốc khác ở Việt Nam.

Cuộc bầu cử tổng thống 1971 cho ông thêm trực giác về Tổng Thống Thiệu. Theo cái nhìn của ông thì ông Thiệu thắng cử nhờ may mắn. Ông tin rằng đối thủ chính của Thiệu, Tướng Dương Văn Minh, đã tự hủy mình. Những nước cờ sai của Tướng Minh và những lời cổ vũ kém cỏi của những thuộc cấp quanh Tướng Minh đã phá hủy cuộc vận động tranh cử của ông.

Sau cuộc bầu cử, ông Thiệu toan tính thay thế thủ tướng Trần Thiện Khiêm bằng một thường dân là vị giáo sư nổi tiếng Nguyễn Văn Bông. Ông Tú tin rằng tổng thống rất biết Tướng Khiêm đã từng là thượng cấp quân sự của ông, và ông muốn ra khỏi cái bóng của Tướng Khiêm. Tuy trong hệ thống cấp bậc của xã hội, ông là Tổng Thống, ông Thiệu vẫn cảm thấy rằng ông Khiêm có cấp bậc cao hơn. Lúc ông Khiêm là đại úy, ông Thiệu chỉ là thiếu úy, và ông Khiêm đã tốt nghiệp trường võ bị trước ông Thiệu. Vào tháng 11, 1971, khi cộng sản giết giáo sư Bông, ông Thiệu bị buộc phải giữ lại ông Khiêm, nhưng toan tính thay thế Thủ Tướng đã tạo ra một vết rạn giữa hai người. Tuy tin rằng ông Thiệu xem ông Khiêm như một người anh, ông Tú cho rằng hai người không ưa nhau, mặc dầu họ giống nhau ở rất nhiều điểm. Ông Khiêm lúc nào cũng giữ vai trò kín đáo, nhưng còn thận trọng hơn, và có tham vọng cao hơn ông Thiệu.



Nguyễn Tú và Bùi Diễm tại một buổi hội thảo sau khi Nguyễn Tú đến Hoa Kỳ. Hình: Bùi Diễm

Những năm cuối của cuộc chiến

Khi cuộc tấn công Mùa Hè Đỏ Lửa 1972 bùng ra, ông Tú đang đến Quân Đoàn I để tường trình các trận đánh. Ông đã đến để quan sát lính Thủy Quân Lục Chiến và lính Dù. Ông nhớ lại một chuyện ông kể như chuyện đùa về chuyện Lính Thủy Quân Lục Chiến bắt được một số địch làm tù binh. Vì vị lữ

đoàn trưởng không có đội lính nào để canh gác tù, ông Tú nói với vị đại tá Thủy Quân Lục Chiến rằng ông sẽ người canh tù. Vị đại tá bảo các tù binh rằng nếu họ không kể lại tất cả mọi chuyện họ biết thì ông Tú sẽ cho cả bọn đi “mò tôm”. Tuy vị đại tá chỉ hù, ông Tú đã đem bia cho họ và chuyện đó đã khiến các tù binh nói năng cởi mở hơn.

Sau khi đến ở với Thủy Quân Lục Chiến ở mé đông Quốc Lộ 1, ông quyết định sang mé tây Quốc Lộ 1 đến thăm lính Dù. Vì muốn tường trình cuộc tấn công tái chiếm Cổ thành Quảng Trị ở Quảng Trị và không có phương tiện di chuyển, ông phải đi bộ.

Vào ngày 13 tháng 9 năm 1972, ông đến vùng lính Dù đóng quân. Tuy biết ông, Quân Cảnh vẫn bắt ông phải dừng, không cho ông tiến sâu thêm vào tuyến đầu của lính Dù. Ông sắp sửa chấp nhận lệnh dừng của họ thì có một trung tá Thủy Quân Lục Chiến lái xe Jeep đến. Ông ta đang đưa một bác sĩ đã được chỉ định ở với Sư Đoàn Dù về đơn vị của ông.

Vị sĩ quan Thủy Quân Lục Chiến nhận ra ông Tú, và nói rằng ông có thể đi theo họ. Ông Tú nhảy vào xe jeep phía sau tài xế. Bỗng dưng ông linh cảm có điều gì bất tường sắp xảy ra. Tuy trước đây ông Tú chưa bao giờ đội nón sắt, vị lữ đoàn trưởng bắt ông phải đeo. Mặc dù linh cảm có điều bất ổn, nhưng vì xung quanh chỗ họ hoàn toàn tĩnh lặng, khi nhảy vào xe Jeep ông Tú đã tháo bỏ nón sắt.

Họ đang trên đường thì một trái pháo của địch rớt ngay gần đó. Vị trung tá bảo tài xế lái nhanh hơn. Một trái pháo nổ gần họ. Ông Tú cảm thấy ngực có gì ươn ướt. Ông nhìn xuống và thấy máu của chính mình. Miếng đạn từ trái pháo đã giết chết tài xế, nhưng ông Tú may mắn: một miếng đạn khác chỉ vút qua đầu ông, nhưng đã cắt mặt ông, và cắt luôn tròng mắt phải ông.

Họ đem ông về bệnh viện quân sự ở Huế, nơi một bác sĩ bảo rằng ông có thể khâu lại vết thương, nhưng vết thương sẽ có sẹo. Vị bác sĩ này bảo ông có một người bạn được huấn luyện giải phẫu thẩm mỹ ở Mỹ vừa trở lại và người bạn đó có thể khâu lại vết thương không để lại vết sẹo. Người bạn đó ở hơi xa và ông Tú đã mất rất nhiều máu.

Ông Tú nói đưa ông đến chỗ vị bác sĩ kia, rồi ngắt đi. Khi tỉnh lại, ông thấy rằng tuy vị bác sĩ giải phẫu đã sửa lại mặt ông gần như hoàn chỉnh, ông đã mất mắt phải.

Trung Tướng Ngô Quang Trưởng, lúc này là tư lệnh quân đoàn I, cùng với cố vấn Mỹ đến thăm ông. Vị tướng Mỹ nói ông có thể cho máy bay chở ông Tú về bệnh viện Đà Nẵng, nhưng ông Tú từ chối. Ông muốn ở lại với các đội quân.

Tuy đã nhiều năm tường trình về lính miền Nam Việt Nam ngoài chiến trường, bài báo nổi tiếng nhất của ông Tú là một bài báo thương tâm nhất, và cũng là bài viết cuối cùng của ông. Đầu tháng 2 năm 1975, ông đến Pleiku, thủ phủ của phần bắc Cao Nguyên Trung Phần, để phỏng vấn Thiếu Tướng Phạm Văn Phú. Ông đã biết tướng Phú từ khi tướng Phú thay tướng Trưởng làm tư lệnh Quân Đoàn I QĐVNCH. Lúc này tướng Phú đang chỉ huy Quân Đoàn II, một vùng quân sự bao gồm toàn thể phần giữa của Nam Việt Nam.

Tướng Phú cho phép ông Tú đi thăm chiến trường, quan sát sự phòng thủ Pleiku. Như thường lệ, ông đến thăm các lính ngoài tiền tuyến để nghe ý kiến của họ. Vào giữa tháng 2, khi ông trở lại Pleiku, tướng Phú mời ông ăn tối. Trong bữa tối đó, tướng Phú xin ông cho ý kiến về những kế hoạch của Cộng Sản. Ông Tú nói quân của tướng Phú trải mỏng quá, và Pleiku không phải là mục tiêu của Cộng Sản. Mục tiêu của họ là Ban Mê Thuột, thủ phủ của phần nửa miền Nam của Cao Nguyên Trung Phần. Dựa trên Cuộc Chiến Đông Dương Thứ Nhất, khi cộng sản chiếm được Ban Mê Thuột, Pháp đã phải vất vả mới chiếm lại được, ông Tú tin rằng Cộng Sản sẽ lập lại lịch sử.

Tướng Phú lịch sự, không phản ứng, có nghĩa là vị tướng không đồng ý. Ông Tú chẳng hiểu tại sao tướng Phú lại quá chú tâm vào Pleiku, nhưng ông tin rằng tướng Phú nghĩ Cộng Sản sẽ tấn công bộ chỉ huy của ông.

Lại thêm một lần nữa, ông Tú tiên đoán đúng những kế hoạch của Cộng Sản. Cộng sản tấn công và chiếm Ban Mê Thuột. Vào ngày 13 tháng 3, 1975, Tổng Thống Thiệu ra lệnh cho tướng Phú phải tái chiếm Ban Mê Thuột. Để mở cuộc tấn công, tướng Phú phải dùng các đội quân đang bảo vệ Pleiku. Tuy nhiên, tướng Phú phải đối phó với một vấn đề lớn. Đường 14, con đường duy nhất giữa Pleiku và Ban Mê Thuột đã bị các đội quân của địch án ngữ.

Tướng Phú quyết định dùng một con đường xấu, chỉ được bảo trì rất tồi gọi là đường 7B để chuyển quân. Đường 7B chạy theo mé đông từ đường 14 qua tỉnh Cheo Reo ngái ngủ, thủ phủ của tỉnh Phú Bổn và rồi bắt đến Tuy Hòa theo bờ biển. Từ đó, Tướng Phú sẽ gửi các đơn vị về hướng tây trên đường 21 để tấn công Ban Mê Thuột.

Vào ngày 16 tháng 3, khi các đội quân của tướng Phú bắt đầu rút lui, ông Tú vẫn còn ở Pleiku. Ông là ký giả duy nhất ở Pleiku lúc đó. Vào hôm trước, khi những máy bay của không quân bắt đầu chuyển vị trí về hướng Nha Trang, ông đã có cơ hội rời theo, nhưng ông quyết định ở lại, đi theo các đơn vị trên đường số 7B. “Là chúng nhân là vị trí tốt nhất đối với ký giả,” ông nói. Cũng giống như quyết định của ông ở Lào Cai khi trước, đây là một quyết định đã khiến ông suýt chết.

Thấy các đơn vị quân đội bắt đầu rời Pleiku vào ngày 16 tháng 3, dân chúng hoảng hốt, sợ bị bỏ lại phía sau. Hàng ngàn thường dân bắt đầu một chuyến đi ác mộng bắt đầu từ Pleiku. Con đường đầy những cụ già, phụ nữ, và trẻ em hoặc đi bộ hoặc bị thõn vào những chiếc xe đầy nghẽn tài sản của họ. Đêm đó, vào khoảng 10g30 tối, ông Tú đi theo chuyến vượt thoát. Vai đeo ba lô, ông đi bộ suốt đêm đến Cheo Reo, cách Pleiku khoảng 32 cây số. Một phần hàng quân của tướng Phú đã vượt qua Cheo Reo và đến sông Ba, nhưng họ phải dựng một chiếc cầu qua con sông rộng để tiếp tục đến Tuy Hòa. Những lính còn lại của tướng Phú và nhiều thường dân vẫn còn ở Cheo Reo khi các toán quân Cộng Sản chặn đường 7B ở gần tỉnh.

Trận chiến dữ dội bùng ra khi quân VNCH toan tính phá hủy sự án ngữ của Cộng Sản. Địch pháo vào thành phố, giết hàng trăm người. Ông Tú nhìn bất lực khi pháo rót đúng vào một xe buýt đang chạt cứng người.

Ông nhớ lại, “Nhiều người chết, nhiều người lăm và mùi thịt cháy khét tràn ngập bầu không khí.” Số người chết khiến ông nhớ lại những biến cố ở Quốc Lộ 1, phía bắc thành phố Huế năm 1972 khi Cộng Sản pháo vào hàng thường dân đang rút lui. Vào tháng 7 năm 1972, hai ký giả báo Sóng Thần đã phát hiện hàng trăm xác người hôi thối rải rác trên mặt đất nơi họ đã bị giết nhiều tháng trước đó. Một trong hai ký giả là ký giả Ngy Thanh đã viết một mục báo về cảnh tượng khủng khiếp đó. Ông gọi vùng đó là “Xa Lộ Kinh Hoàng.”

Bị kẹt ở Cheo Reo, với đại pháo Việt Cộng rót như mưa vào họ, những thường dân và binh lính Miền Nam xông vào tỉnh cướp bóc tìm thực phẩm, nước và thuốc men. Dân trong tỉnh phản công và thành phố sụp đổ trong hỗn loạn.

Ông Tú bị kẹt trong tai họa này, nhưng ông đã tìm cách để gọi được điện về Sài Gòn. Ông Đặng Văn Sung đã thuyết phục Không Quân Việt Nam gửi một máy bay đến đón ông Tú ở một sườn núi, nhưng ông Tú từ chối, không muốn về Sài Gòn tìm an toàn. Thay vì vậy, ông yêu cầu được thả xuống cầu ở sông Ba.

Khi đến nơi ông thấy thêm nhiều thảm kịch. Lính bị thương nằm rên rỉ trên mặt đất, dân chúng đói khát đi ăn mày xin thực phẩm. Ông Tú đặc biệt thương tâm khi thấy những đứa bé bị bỏ rơi to tiếng kêu khóc, đi lang thang giữa những xe cộ của quân đội và thường dân chất đống ở sông.

Khi các kỹ sư quân đội VNCH toan tính xây một chiếc cầu nối ngang sông, ông ở đó đêm đó với đại tá Cao Văn Uy, tư lệnh Nhóm Biệt Kích 6 đang canh gác đầu cầu. Hôm sau, ông nhảy lên trực thăng, nghĩ rằng sẽ bay về Tuy Hòa, nhưng thực ra máy bay lại bay về Cheo Reo để cứu một tướng VNCH. Sau khi đón vị tướng, họ đáp xuống Tuy Hòa. Ông Tú ở lại một đêm ở nhà tỉnh trưởng. Hôm sau ông bay về Nha Trang. Ngày 31 tháng 3, ông quá giang một máy bay về Sài Gòn.

Khi về Sài Gòn ông được cho biết rằng dân chúng ở thủ đô vừa phấn nộ, vừa mất tinh thần về những chuyện đã xảy ra ở đường 7B. Ông cũng biết rằng Tổng Thống Thiệu đã hạ lệnh bắt ông khi ông ở Tuy Hòa vì những mục báo ông viết về cuộc rút lui, nhưng lính không chịu thi hành mệnh lệnh đó.

Chính Luận cho in 4 mục báo khác nhau của ông Tú về tai họa đường số 7B, nhưng vào ngày 31 tháng 3, 1975, tờ Newsweek đưa bài báo của ông lên trang bìa. Ông Tú đặt tên cho những chuyện thương tâm ông mục kích là “Đoàn Công Voa Nước Mắt,” và cũng giống như cái tên “Đại Lộ Kinh Hoàng”, cái tên “Đoàn Công Voa Nước Mắt” đã trở thành chết tên.

Trong khi rút lui khỏi Pleiku, tất cả những suy nghĩ của ông chỉ là làm sao để đưa câu chuyện ra ngoài. Ông nói “Tất cả những điều tôi trần trở chỉ có thế. Cuộc triệt thoái cao nguyên là bài báo nổi tiếng nhất của tôi, nhưng quả là một cảnh tượng mục kích kinh hoàng.”



Nguyễn Tú và bạn bè thăm thăm Bức Tường Tượng Niệm Cựu Chiến Binh Việt Nam ở Washington, D.C. Hình: Nguyen Mau Trinh

Tù Tội

Sự tàn phá hàng quân của Tướng Phú trên đường 7B bỏ ngổ sự phòng thủ của Miền Nam Việt Nam, khiến hoảng hốt lan ra trong Quân Đoàn I, và rồi Quân Đoàn nhanh chóng ngã gục trước các lực lượng địch. Vào cuối tháng 4 năm 1975, khi các đơn vị Cộng Sản mở cuộc tấn công vào Sài Gòn, tòa

đại sứ Mỹ ngỏ ý muốn giúp ông Tú di tản. Ông Đặng Văn Sung khuyên ông Tú trốn, nhưng cũng như ở Lào Cai và nhiều nơi khác, ông từ chối. Tuy biết rằng sẽ bị bắt, và sẽ bị cầm tù hoặc hành hình, ông vẫn từ chối không chạy. Ông Tú không muốn trốn thoát, bỏ lại những ký giả Miền Nam Việt Nam khác ở lại. Trong trại tù, ông nói với ký giả Vũ Ánh, “Làm sao tôi đi được? Văn phòng tòa báo còn đầy người kẹt lại, và tôi đi như thế là hèn nhất.”

Là ký giả, ông cũng muốn là nhân chứng mục kích xe tăng Cộng Sản tiến vào Sài Gòn. Ông biết đây là nỗ lực cuối cùng của ông như ký giả của tờ Chính Luận. Ông sẽ phải trả giá vô cùng đắt cho sự can đảm này.

Miền Nam đầu hàng vào 30 tháng 4, và hôm sau, ông Tú bảo ông Đặng Văn Sung đóng cửa tờ báo. Ông nói, “Thà là chúng mình làm còn hơn để Cộng Sản làm.”

Vì phòng của ông ở khách sạn Eden đang có bạn ông ở, ông Tú đến chỗ ở của một người bạn khác là cựu đại sứ Bùi Diễm, đã rời Sài Gòn một tuần trước khi Sài Gòn sụp đổ. Ông Diễm đã nói rằng ông Tú có thể sử dụng chỗ ở của ông.

Ông Tú mời một vài ký giả Việt Nam cùng đến đó. Thay vì đồng ý với quyết định ở lại của ông, nhiều ký giả đã cho rằng quyết định không bỏ trốn của ông là dại dột. Ông Tú cũng mời nhiều ký giả Pháp đến. Một trong những ký giả đó là Jean Louis Arnaud, ký giả địa phương cho hãng thông tấn Agence France-Presse. Ông Tú hứa sẽ đưa cho Arnaud nhiều tập bản thảo ông đã viết về cuộc chiến, nhưng trước khi có dịp đưa những tập bản thảo đó cho Arnaud, ông đã bị bắt. Cộng sản tịch thu tất cả những gì ông có, kể cả những tập bản thảo.

Ông bị bắt vào ngày 7 tháng 5, và tin rằng ông đã bị một ký giả Việt Nam đồng nghiệp chỉ điểm. Họ giải ông đến bộ chỉ huy Cảnh Sát Sài Gòn, kết án ông phản quốc, và đưa ông vào một phòng chờ thẩm vấn.

Có hai người lính gác trong phòng. Người cán bộ thẩm vấn ông là một cán bộ cấp trung, đã cố tình khiến ông bối rối bằng cách để ông ngồi trên một chiếc ghế cập kênh, chân thấp, chân cao.

Vì không biết ông là ai, người thẩm vấn đã hỏi ông về gia đình và công việc của ông.

Ông Tú nói, “Tôi là ký giả.”

Người cán bộ nghi ngay rằng ông là gián điệp CIA. Cộng sản tin rằng ký giả Việt Nam làm việc cho CIA. Anh ta hỏi ông Tú đã dùng những bút hiệu nào?

Ông nói lúc nào ông cũng dùng tên thật, không bao giờ dùng bút hiệu nào khác.

Ông viết những gì?

Ông Tú nói, “Tôi viết bài chống các anh.”

Tên tờ báo của anh là gì?

Vì người cán bộ rõ ràng không biết ông, ông Tú bảo anh ta đến tòa báo Chính Luận để kiểm tất cả các bài viết của ông.

Tại sao anh không trốn?

“Vì tôi muốn xem các anh vào thành phố thế nào.”

Người cán bộ phẫn nộ và hỏi phải chăng ông Tú đang mỉa mai anh ta?

Ông nói không, tất cả những điều tôi nói đều là sự thật.

Một người lính dùng báng súng đánh ông. Cú đầu tiên khiến ông gãy răng. Cú thứ hai đánh nứt xương sườn. Vết nứt không bao giờ lành và ông phải chịu đau ngực suốt đời.

Khi đến Mỹ, ông đã nhiều lần đến văn phòng bác sĩ để tìm nguyên nhân. Vào tháng 4 năm 2009, sau nhiều cuộc xét nghiệm, một bức ảnh quang tuyến X cho thấy xương sườn ông vẫn nứt. Bác sĩ có thể thấy vết nứt lúc này vì ông đã quá già, gần như chẳng còn bắp thịt.

Người cán bộ tiếp tục thẩm vấn ông trong nhiều ngày. Anh ta không tin ông đã gặp các viên chức cao cấp của chính phủ.

Ông nói với anh ta, “Tôi biết rất nhiều nhân viên cao cấp, bởi vì tôi đến các cuộc họp báo.” Người cán bộ không tin, nên ông Tú giải thích, “Chúng tôi sống trong một xã hội mở, anh sống trong một xã hội khép kín.”

Người cán bộ nói rằng nếu đã gặp những nhân viên cao cấp như thế, ông Tú hẳn phải là một ký giả đặc biệt, và cố tình ép ông phải thú tội là gián điệp cho CIA. “Không,” ông Tú nói. “Ký giả nào cũng có thể gặp các nhân viên cao cấp của chính phủ.”

Người thẩm vấn vẫn cho rằng ông đang nói dối, nhưng khi viết bản báo cáo cho cấp trên, cấp trên của anh đã mắng anh tại sao không chứng thực những lời khai của ông Tú. Người cán bộ quay lại nói với ông Tú rằng ông đã làm tôi mất mặt với cấp trên, nhưng tôi xin chúc mừng ông đã khai đúng sự thực. Ông Tú đã quyết định không bao giờ nói dối. Ông nói với tôi, bằng cách này ông sẽ không phải nhớ đã nói dối những gì. Vì không phải là quân nhân, ông đã dùng đầu óc để chiến đấu với họ và khí giới hay nhất là sự thực.

Chẳng hạn, họ hỏi ông, “Tại sao ông không lập gia đình?”

Khi ông trả lời vì ông không muốn lập gia đình, họ không tin và cứ tiếp tục hỏi đi hỏi lại câu hỏi đó. Cuối cùng ông nói, “Hồ Chí Minh cũng có lập gia đình bao giờ đâu.” “À,” ông nói với tôi, “câu này khiến họ hết sức phẫn nộ. Họ quát lên rằng tôi không được nói như thế, và họ dọa tôi. Tôi chỉ trả lời đơn giản rằng đó là sự thật và các anh có thể xem lại. Sau đó họ đổi đề tài.”

Ông bị giam giữ ở một phòng tù ở sở cảnh sát Sài Gòn hai tháng và rồi chuyển đến một nhà tù nhỏ ở Sài Gòn. Vì muốn buộc ông phải khai là gián điệp, cộng sản tra tấn và đánh ông liên tục. Trong cuộc thẩm vấn cuối, ông bị 4 người khác nhau tra hỏi. Người cuối cùng là người sâu sắc nhất. Tuy ông ta không đeo phù hiệu cấp bậc gì, nhưng ông Tú có thể đoán qua phong cách và ngôn ngữ rằng ông là một nhân viên cao cấp.

Vì không chịu khai là đã làm việc với CIA, vào tháng 12 năm 1975, ông bị gửi vào khám Chí Hòa, khám chính của thành phố. Tuy biết ông là ký giả, Cộng sản vẫn giam ông chung với các phạm nhân hình sự, trộm cướp, giết người. Vào lúc đầu, cuộc sống vất vả nhưng khi vô tình cách hành xử của ông hợp với đạo nghĩa giang hồ, họ đã đối xử với ông rất tử tế. Có lần ông bật lửa châm điều thuốc cho một người tù. Thái độ thân tình của ông khiến anh ta cảm động. Anh nói trong đời anh từ trước đến nay chưa ai làm điều đó. Từ đó trở đi, anh ta bảo vệ ông và mang những phần cơm của ông đến cho ông.

Sau khi chịu đựng thêm một trận đòn nữa của Cộng Sản ở khám Chí Hòa, phân nửa phía phải người ông tê liệt, nhưng không có thuốc để chữa trị. Một hôm có một người tù khuyên ông nên hút thuốc Lào. Anh ta bảo rằng thuốc sẽ khiến máu luân lưu và giúp ông chữa trị bệnh tê liệt. Ông Tú kể, “Thuốc Lào trong tù rất hiếm, và nếu chỉ có một lượng nhỏ thuốc Lào cũng đã được xem là giàu. Chỉ một dúm thuốc Lào tí hon cũng đã được xem tương đương với cả khẩu phần gạo của tù.” Tuy thế, những người tù cố nhặt nhanh cho đủ lượng thuốc và mượn cái ống điếu của một ông cha để giúp ông trị bệnh. Sau đó khoảng 10 người tù quây quanh xem ông hút thuốc. Ông hết sức ngạc nhiên khi thấy họ tỏ vẻ hết sức kính nể. Và lạ lùng thay khi say thuốc Lào, chân phải đã liệt của ông bỗng co, giật trước những

tiếng trầm trồ của những người tù “Chân bố giật rồi! Chân bố giật rồi!” Thuốc lào đã chữa khỏi bệnh tê liệt cho ông, nhưng phần người bên phải của ông vẫn yếu suốt đời.

Năm 1982, ông chuyển về trại cải tạo Xuân Phước, một căn cứ cũ của Cộng Sản sâu trong rừng ở Tuy Hòa. Đó là những năm khổ nhất. Đây là trại khổ sai, và thực phẩm rất hiếm. Trại trưởng tù không muốn nhận ông vào trại vì vết thương sưng sần và phân nửa người ông phía phải rất yếu. Một người tù đã làm một cái giá vịn cho ông để ông có thể tự làm việc ngoài vườn. Uyên Thao, chủ bút báo Sóng Thần nhớ lại ông Tú thường lén nhét rau hoặc các loại lá ăn được vào dưới áo ông để giúp các bạn tù khác.

Nhưng ông thường bị bắt và bị biệt giam. Ông vừa cười, vừa kể, “Thực sự thì tôi lại thích biệt giam vì được yên tĩnh, chỉ có cái là anh phải bị cùm. Bởi thế nên mới khó chịu. Nhưng nếu được tự do, không bị cùm, chẳng hóa ra anh tự nhiên lại có phòng ngủ riêng sao?”

Tuy ông Tú chống Cộng, một số người Quốc Gia trong trại vẫn phẫn nộ với ông vì ông không ghét những người cai tù. “Nếu ghét họ,” ông nói với tôi. “Điều đó sẽ làm mình mù quáng. Muốn đánh bại họ, anh cần phải có một mức độ kỷ luật và có cái nhìn rộng lớn hơn về đời.”

Năm 1985, ông bị chuyển sang một trại khác gần Xuân Lộc, một tỉnh nằm ngoài Sài Gòn. Trại này dễ chịu hơn nhiều, và họ được nhiều cơm hơn. Vào ngày 14 tháng 2 năm 1988, sau 13 năm tù, ông được thả. Khi vào tù ông 51 tuổi, khi ra ông 64.

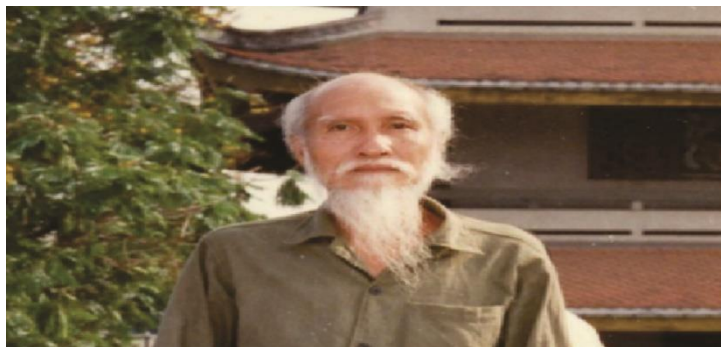
“Tù tội làm tôi già quá,” ông nói. “khi họ thả tôi, trông tôi như một ông già lòm khòm.” Đầu bạc trắng, sức lực yếu đuối, ông đã phải chịu đựng “tra tấn, khổ sai, sỉ nhục, bỏ đói và luôn phải nghe những bài giảng về chủ nghĩa Cộng Sản.” Nhiều bạn tù của ông đã chết vì những bệnh hoạn lúc nào cũng đầy dẫy trong trại.

Ông trở về Sài Gòn và may mắn được một gia đình thuê ông dạy kèm con em của họ. Những con em này bị cấm không cho đi học vì cha chúng đã làm việc cho chế độ cũ. Gia đình thuê ông đưa tiền ông, nhưng ông không lấy. Ông nói, ông chỉ cần thực phẩm.

Mỗi tuần, nhiều cán bộ công an địa phương đến nơi ông cư ngụ để bàn luận những hoạt động của ông. Khi một công an biết được có người thuê ông, họ đã thuyết phục gia đình đó đuổi ông bằng cách nói rằng ông là tù mới được thả. Sau đó ông bị quản cố.

Sau một năm quản cố, cán bộ công an hỏi ông muốn đi Mỹ hay ở lại Việt Nam. Ông muốn ở lại, nhưng vì đã mất tất cả, ông biết ông phải đi. Ông nói với cán bộ công an “nếu các anh không cho tôi làm việc thì tôi chẳng còn sự chọn lựa nào ngoài cách đi đến một quốc gia cho phép tôi sống tự do.”

Ông Tú sắp bắt đầu một cuộc mạo hiểm cuối cùng.



Ký giả Nguyễn Đình Tú (1924-2010)

Trốn thoát sang Mỹ

Lúc này đã quyết định rời Việt Nam, ông cần một kế hoạch trốn thoát. Vào tháng 7 năm 1989, ông đi về hướng bắc, đến Hải Phòng, nơi một người bạn cho ông một ít vàng để mua chỗ trên một chiếc tàu sắp đi Hồng Kông. Tuy chưa bao giờ bàn luận về chuyến đi, chuyến đào thoát của ông có lẽ là do sự giúp đỡ của người cán bộ công an. Nếu nhìn vào tình trạng duyệt xét đi lại khó khăn bên trong Việt Nam, và vì ông đang bị công an địa phương chú ý, việc ông có thể từ Sài Gòn trốn ra Hải Phòng là việc rất khó nếu không có sự chấp thuận.

Hơn nữa, vào năm 1989, những cuộc vượt thoát khổng lồ của “thuyền nhân” Việt Nam đã phát động từ nhiều năm, và nhiều cán bộ Cộng Sản đã lợi dụng nhận hối lộ để cấp giấy tờ cho những người vượt biển. Cộng sản đã nhận ra rằng họ có thể diệt trừ kẻ thù bằng cách giúp đỡ những người chống cộng vượt thoát. Đặc biệt là trong số những kẻ vượt thoát trên tàu có những kẻ tội phạm, rõ ràng là Cộng Sản muốn quét sạch những thành phần họ không muốn chấp nhận. Trong số đó có ông Tú.

Vào ngày 25 tháng 9 năm 1989, ông cùng với 98 người khác lên một chiếc tàu gỗ nhỏ rời Hải Phòng trước lúc rạng đông. Trong ba tuần sau đó, những người trên tàu phải chịu đựng hai cơn bão dữ dội, mỗi cơn kéo dài 4 ngày và thuyền tròng trành trên biển như chiếc lá giữa những ngọn sóng.” Tuy thời tiết nguy hiểm, thuyền bị thủng và chỉ đáp ứng đủ những điều kiện tối thiểu nhất để ra khơi, nhóm thủy thủ đoàn còn đáng sợ hơn. Về sau ông Tú viết rằng thủy thủ đoàn đa số là “những kẻ sát nhân, nghiện ngập, trộm cắp, trên thân thể đầy những vết sạm ghê gớm.” Bọn côn đồ trên tàu đối xử hung hãn với mọi người, buộc họ phải đưa hết tất cả vàng, nữ trang, và thực phẩm họ đã mang theo. Thủy thủ đoàn lột quần áo những người trên tàu để lục soát và mò mẫm cả những chỗ kín. Họ đánh đập những người không chịu để bị lục soát. Tuy thế, bọn côn đồ lại không đụng gì đến ông, “không phải vì tôi là một ông già, mà vì tôi biết nói tiếng Anh và có thể làm người thông dịch cho họ.”

Tàu đến Hồng Kông vào ngày 14 tháng 10 năm 1989. Chính quyền địa phương cung cấp thực phẩm, thuốc men và chỗ ở, nhưng ông Tú và nhiều người Việt Nam tị nạn khác bị quản thúc phải ở trong trại. Tuy vào lúc đầu, họ được đối xử tử tế, con số lớn những người vượt thoát đã gây căng thẳng cho tài nguyên của Hồng Kông. Một thời gian ngắn trước khi ông Tú đến, chính quyền Hồng Kông đã quyết định áp dụng chính sách cưỡng bức hồi hương, trừ phi họ có bằng chứng họ là những người tị nạn chính trị chứ không phải kinh tế. Vì không hề có giấy tờ chứng minh rằng ông đã bị giam cầm 13 năm, ông Tú có nguy cơ lớn sẽ bị trả về Việt Nam.

Cố gắng tránh để khỏi bị trả về, ông Tú đã viết thư cho nhiều tổ chức báo chí, xin họ giúp đỡ. Những lá thư đó hữu hiệu vì nhiều ký giả Mỹ, Pháp có ảnh hưởng đã kêu gọi chính phủ Mỹ chấp thuận tình trạng của ông như một người tị nạn chính trị. Khi các ký giả Hồng Kông biết về sự khốn khó của ông, ảnh ông được đưa lên bìa một tờ báo địa phương là tờ Correspondent. Vào đầu tháng 12 năm 1989, sau khi tòa lãnh sự Mỹ ở Hồng Kông thông báo với chính quyền Hồng Kông rằng Mỹ sẽ nhận ông qua diện tị nạn chính trị, chính quyền Hồng Kông chấp thuận cho ông Tú ở lại.

“Tôi hết sức may mắn,” ông nói. “Tôi đã giúp nhiều ký giả ở Việt Nam, và rồi họ lại giúp tôi. Tôi thực sự biết ơn.”

Sau một chuyến bay vất vả, ông đến Mỹ ngày 16 tháng 2 năm 1990. Ông ở với một người bạn ở tiểu bang Virginia, và sau đó dời về ở một căn apartment tí hon, nơi ông đã sống trọn đời. Một trong những chuyến thăm của ông là thăm Bức Tường Tưởng Niệm Cựu Chiến Binh Việt Nam ở

Washington, D.C. Ông nói với tôi, ông đã khóc khi nhìn thấy 58,000 cái tên. Tuy cảm thấy rất thương những người lính Mỹ đã chiến đấu và hy sinh, ông tin tưởng mạnh mẽ rằng đáng lẽ những người chiến đấu phải là thanh niên Việt Nam. Ông muốn người Mỹ huấn luyện và viện trợ giúp người Việt Nam, nhưng không muốn người Mỹ chiến đấu cho họ. Điều đó sẽ tẩy sạch những tuyên truyền của Cộng Sản rằng Miền Nam Việt Nam là một thuộc địa của Mỹ. Ông đúc kết những suy nghĩ của ông bằng cách phát biểu rằng “sự nhúng tay sâu rộng của Mỹ vào cuộc chiến khiến chúng tôi đau khổ trong tâm vì các anh không tin chúng tôi, nhưng người Việt chúng tôi cũng chưa hề bảo người Mỹ rằng họ không đồng ý với sự can thiệp của Mỹ.”

Ông Tú đã quyết định tiếp tục sự nghiệp như một ký giả. Vào năm 1990, cựu tổng thống Nguyễn Văn Thiệu ra mặt nói chuyện. Kể từ khi mất Việt Nam, đây là lần đầu tiên ông Thiệu xuất hiện trước công chúng. Ông Tú đến nghe ông Thiệu nói chuyện ở Virginia. Sau khi ông Thiệu ngừng diễn thuyết, các cựu chiến binh VNCH đã đưa ra những câu hỏi hóc búa về cuộc chiến và vì sao họ đã thua năm 1975. Theo lời ông Tú, ông Thiệu đã mất bình tĩnh cao giọng, “Nếu không có ai nhận lãnh trách nhiệm, thì tôi xin nhận.” Ông Tú bảo tôi, “Câu nói đó đã nói lên tất cả những gì trong tâm ông Thiệu. Ông Thiệu là tổng tư lệnh. Đó là trách nhiệm của ông, nhưng ông lại chối bỏ trách nhiệm đó.”

Khi cúp điện, tất cả đều ra ngoài. Ông Tú đang viết thì thấy một cái bóng che vào ông. Rồi ông thấy hình như có người vỗ nhẹ vai ông. Nhìn lên, ông thấy ông Thiệu. Tuy đã rất nhiều năm tháng trôi qua, vị cựu tổng thống vẫn nhận ra ông.

Ông Thiệu bắt tay ông Tú và hỏi ông Tú đang làm gì.

“Trường trình về ông!” Ông Tú nói. Ông Thiệu mỉm cười.

Một ký giả Mỹ trong cuộc chiến cũng đến nghe diễn thuyết. Ông nhận ra ông Tú, và vì ông không nói được tiếng Việt, ông Tú đã dịch lại cho ông. Người ký giả muốn trả tiền cho ông, nhưng ông Tú từ chối. Ông đã nhiều lần được những ký giả Mỹ trả tiền cho sự giúp đỡ của ông, nhưng ông không bao giờ lấy tiền của ai. Tuy nghèo, ông Tú vẫn là một người tử tế và hữu ích.

Từ năm 1990 cho đến khi ông qua đời, ông Tú vẫn viết các mục báo cho các tờ báo Việt Nam ở Mỹ và Úc. Ông bàn luận mọi đề tài, từ chính trị đến kinh tế, nhưng không lúc nào tiền nhuận bút của ông đủ để ông có thể trả tiền mướn phòng hoặc ăn uống đầy đủ. Tuy thế, ông Tú chẳng bao giờ để ý đến tiền bạc hoặc phần thưởng. Trước lúc ông qua đời, ông Bùi Diễm có hỏi ông về việc lo liệu đám tang. Ông Tú nói ông Diễm không cần lo vì ông đã trả tiền trước cho nhà quản. Khi giám đốc nhà quản hỏi ông có muốn thông báo cho ai biết khi qua đời không, ông Tú đã trả lời không. Ông sẽ chết chẳng khác gì khi sống: đơn độc.

Vào tháng 10 năm 2009, chúng tôi có nói chuyện qua điện thoại nhiều lần sau khi ông nói với tôi rằng ông sẽ viết hồi ký. “Vâng,” ông nói, “tôi đang viết một số điều cho anh.” Thế thì hay quá, khi nào thì tôi được đọc? “Chưa, tôi vẫn còn đang làm việc.” Tôi không thúc ông, tôi muốn để ông làm theo ý ông. Và rồi tôi được nghe một tin rúng động. Một người bạn gọi báo cho tôi biết ông Tú đã qua đời vào ngày 11 tháng 7 năm 2010

Ông đã qua đời nhiều ngày rồi và người ta đang dọn đồ ở phòng ông ra. Có ai tìm thấy bản thảo của ông không? Không, chẳng có gì cả. Tôi năn nỉ người bạn tìm lại, nhưng đã quá trễ. Bất kể những tài liệu ông Tú đang viết là gì, những tài liệu đó đã bị vứt bỏ, lại thêm một sự mất mát nữa đối với thư viện dữ kiện của lịch sử.

Kể từ khi ông qua đời, tôi đã xuất bản hai quyển sách về Việt Nam Cộng Hòa, toan tính kể lại câu chuyện về “quốc gia đã mất” của ông. Nhưng sâu trong tâm khảm tôi, khát vọng kể lại câu chuyện đời ông vẫn hùng hực. Tôi muốn kể cho thế giới biết về một người đáng trọng đã tận tụy cống hiến đời mình để tường trình những câu chuyện của dân tộc mình.

Cuối cùng, đã đến thời điểm đó. Đây là chút tưởng nhớ của cá nhân tôi đối với ký giả Nguyễn Đình Tú, câu chuyện của một người khiêm tốn, lạnh lẽ, một người Quốc Gia đã chiến đấu bằng cả tâm hồn lẫn thể xác cho một nước Việt Nam tự do. Tôi hân hạnh được ông Tú cho phỏng vấn 9 lần, nhưng chỉ có ông mới thực sự có thể kể lại những huyền thoại của cuộc sống đầy biến cố của cuộc đời ông. Tôi đã cố gắng kiểm chứng các câu chuyện của ông, nhưng nếu có chi tiết lịch sử nào sai lầm, tôi xin một mình nhận trách nhiệm.

Tuy thế, đây cũng là câu chuyện của các bạn, về các bạn, những con em của nước Việt Nam, sống ở một nơi xa mờ mả gia tiên. Tôi hy vọng rằng bài viết này sẽ khuyến khích những người khác viết về những câu chuyện của họ. Cũng giống như ông Tú, nhiều người vẫn còn những cay đắng, chua xót sâu xa vì mất đất nước, nhưng lịch sử cần câu chuyện của các bạn. Rủi thay, ông Tú không bao giờ viết hồi ký, và khi ông qua đời, người Việt mất thêm một người trọng tuổi đáng kính: họ mất đi một miếng lịch sử của họ. Nhưng khi phải sống một cuộc sống cam khổ và trả một cái giá đắt cho các quyết định của ông, ông Tú không bao giờ nhìn lại. Những sự chọn lựa của ông là những sự chọn lựa dành cho ông và nhằm giúp ích cho dân tộc ông. Đó là cái giá của sự can đảm.

Những ai muốn đọc thêm về George Veith về sự sụp đổ của Miền Nam Việt Nam, xin xem trang mạng www.thangtuden.info, vào amazon hoặc những tiệm sách địa phương để mua Black April: The Fall of South Vietnam, 1973-1975, hoặc Drawn Swords in a Distant Land: South Vietnam's Shattered Dreams. Quý vị nào muốn mua bản ebook của bài viết này bằng cả tiếng Anh lẫn tiếng Việt, xin vào địa chỉ mạng phía dưới của Amazon.

Nguồn: <https://tvtsonline.com.au/tin-tuc/tin-the-gioi/toi-muon-ke-lai-chuyen-cua-toi-ky-gia-nguyen-tu-va-cai-gia-cua-su-can-dam/>

www.vietnamvanhien.org

